

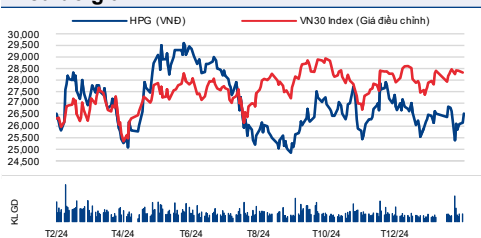
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 38.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/2/2025)	26,550
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,850-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,267
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	169,820
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,654
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,700
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.4%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	136,719	169,992
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	21,154	29,230
LNTT (tỷ đồng)	7,793	13,624	17,799
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	11,463	15,390
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(23,712)	(15,725)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,792	2,406
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,266	20,173
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	28.7	38.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	60.5	34.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.2
Tỷ suất LNTT (%)	6.55	9.96	10.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.83	9.53
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	26.5	39.5
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	60.3	61.3
ROAE (%)	6.88	11.0	13.2
ROACE (%)	8.62	11.0	12.9
EV/doanh thu (lần)	1.56	1.64	1.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.3	10.6	7.90
P/E ĐC (lần)	23.8	14.8	11.0
P/B (lần)	1.50	1.45	1.32
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.88	3.77

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 1/2025: Sản lượng tiêu thụ vững chắc bất chấp kỳ nghỉ Tết sớm

- HPG bán tổng cộng 705.827 tấn thép thành phẩm trong tháng 1/2025, giảm 2% so với cùng kỳ nhưng tăng 2% so với tháng trước. HSC cho rằng đây là KQKD tích cực, xét đến việc tháng 1 năm nay có ít hơn 7 ngày làm việc so với tháng 1/2024 do kỳ nghỉ Tết đến sớm.
- Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng giảm 15% so với cùng kỳ và giảm 20% so với tháng trước, do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết. Tuy nhiên, mức tăng sản lượng xuất khẩu phôi thép phần nào bù trừ cho phần sản lượng sụt giảm của thép xây dựng. Sản lượng tiêu thụ HRC phục hồi mạnh, tăng 24% so với tháng trước, nhưng vẫn thấp hơn 6% so với cùng kỳ do hành vi bán phá giá thép Trung Quốc.
- Ngày 17/2/2024, HPG đã đạt được bước tiến đầu tiên của dự án sản xuất thép làm đường ray. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu là 36.800đ (tiềm năng tăng giá là 39%).

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 1/2025

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), HPG bán tổng cộng 705.827 tấn thép thành phẩm trong tháng 1/2025, giảm 2% so với cùng kỳ nhưng tăng 2% so với tháng trước. HSC cho rằng đây là KQKD tích cực, xét đến việc tháng 1 năm nay có ít hơn 7 ngày làm việc so với tháng 1/2024 do kỳ nghỉ Tết đến sớm. Chi tiết như sau:

Nhu cầu thép xây dựng vẫn cao

HPG bán 308.281 tấn thép xây dựng trong tháng 1, giảm 15% so với cùng kỳ và giảm 20% so với tháng trước. Mặc dù giảm, nhưng chúng tôi nhận thấy sản lượng tiêu thụ vẫn vững chắc vì kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm 2025 có ít hơn 7 ngày làm việc (thông thường là 31 ngày), giảm 22,6%, nên kết quả đạt được là rất đáng khích lệ.

Xét theo thị trường, sản lượng tiêu thụ trong nước tháng 1/2025 giảm 19% so với cùng kỳ và giảm 35% so với tháng trước xuống chỉ còn 212.412 tấn, trong khi sản lượng xuất khẩu phục hồi ở mức khá lên 95.869 tấn, tăng 65% so với tháng trước nhưng giảm 5% so với cùng kỳ.

Tuy nhiên, mức tăng sản lượng xuất khẩu phôi thép đã phần nào bù trừ cho phần sụt giảm sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trên tổng sản lượng tiêu thụ của tháng 1/2025. Theo đó, HPG xuất khẩu tổng cộng 62.954 tấn phôi thép trong tháng 1/2025, tăng 244% so với tháng trước (HPG không xuất khẩu phôi thép trong tháng 1/2024).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ T1/2025, HPG

Dù giảm so với cùng kỳ nhưng chúng tôi đánh giá kết quả này vẫn khả quan

Tấn	T1/24	T1/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước
Sản phẩm thượng nguồn	639,030	631,630	-1.2%	3.0%
Thép xây dựng	363,216	308,281	-15.1%	-19.7%
Phôi thép	0	62,954	n/a	243.5%
HRC	275,814	260,395	-5.6%	23.6%
Ống thép	46,686	48,508	3.9%	-19.7%
Tôn mạ	33,877	25,689	-24.2%	18.0%
Tổng sản lượng tiêu thụ	719,593	705,827	-1.9%	1.5%
Tổng sản lượng thép thô	693,327	774,646	11.7%	-3.2%

Nguồn: VSA, HSC

Nhu cầu HRC trong nước chuyển biến tích cực

Trong tháng 1, HPG bán 260.395 tấn HRC, giảm 6% so với cùng kỳ nhưng tăng mạnh 24% so với tháng trước. Có nhiều động lực tăng trưởng tích cực như sau:

- Mức giảm 6% so với cùng kỳ tương đối tích cực so với mức giảm 23% so với cùng kỳ và so với tháng trước của số ngày làm việc trong tháng 1/2025.
- Nhu cầu trong nước tăng mạnh 126% so với cùng kỳ và tăng 23% so với tháng trước lên 242.014 tấn trong khi sản lượng xuất khẩu giảm mạnh 89% so với cùng kỳ (nhưng tăng 37% so với tháng trước). Xu hướng này cho thấy mức độ phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu, nơi đang có sự cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm từ Trung Quốc, giảm dần.
- Tại thị trường trong nước, mặc dù hành vi bán phá giá HRC Trung Quốc vẫn tiếp diễn, nhu cầu đối với HRC Việt Nam dự kiến vẫn tăng trong thời gian tới do yêu cầu về chứng nhận xuất xứ chặt chẽ hơn (trên thị trường toàn cầu như Mỹ), cùng với khả năng áp thuế chống bán phá giá đối với HRC Trung Quốc và Ấn Độ tại thị trường Việt Nam.

Với kết quả trên, tổng sản lượng tiêu thụ của các sản phẩm thượng nguồn (bao gồm thép xây dựng, phôi thép và HRC) trong tháng 1/2025 đạt 631.630 tấn, giảm 1% so với cùng kỳ nhưng tăng 3% so với tháng trước. Đối với sản lượng thép thô trong tháng 1/2025, HPG sản xuất tổng cộng 774.646 tấn, tăng 12% so với cùng kỳ nhưng giảm 3% so với tháng trước.

Nhu cầu tôn mạ và ống thép vẫn vững chắc

Trong tháng 1, HPG bán tổng cộng 48.508 tấn ống thép, tăng 4% so với cùng kỳ nhưng giảm 20% so với tháng trước do kỳ nghỉ Tết đến sớm. Mặc dù sản lượng tiêu thụ tôn mạ trong tháng 1 đạt 25.689 tấn, giảm 24% so với cùng kỳ nhưng tăng 18% so với tháng trước.

Sẽ bổ sung thép làm đường ray và thép đặc biệt

Ngày 17/2/2025, HPG thành lập ban quản lý dự án sản xuất thép làm đường ray và thép đặc biệt, thể hiện một bước tiến đáng kể trong chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và hỗ trợ mục tiêu phát triển đường sắt cao tốc của Việt Nam.

Theo nhận định HSC, tổng vốn đầu tư cho dự án này ước tính khoảng 10 nghìn tỷ đồng, giúp bổ sung thêm 700.000 tấn các loại sản phẩm thép này mỗi năm. Khi hoàn thành, công suất được bổ sung thêm sẽ tương đương 7% công suất hiện tại của HPG (bao gồm phần kỳ 1 của Giai đoạn 2 thuộc Dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất). Dự án này sẽ được đặt tại Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất (DQSC).

HPG sẽ tận dụng thiết bị hiện có của DQSC để phục vụ cho máy đúc phôi/khuôn thép và lắp đặt máy cán mới cho việc sản xuất thép làm đường ray và thép kết cấu, mang lại lợi thế so với dự án mới tại Phú Yên đã được lên kế hoạch trước đó. Đây là chiến lược hợp lý và kịp thời hơn, làm tăng khả năng thành công và giảm rủi ro chi tiêu vốn lớn. Chúng tôi kỳ vọng dự án sẽ được đưa vào vận hành trong năm 2027, phù hợp với thời gian triển khai các dự án đường sắt của chính phủ. HSC đánh giá động thái này như một cam kết nghiêm túc của HPG đối với mục tiêu phát triển hạ tầng của Việt Nam.

Tổng nhu cầu thép làm đường ray của tất cả các dự án đã được lên kế hoạch (bao gồm dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam, đường sắt nối với Trung Quốc, và các dự án phát triển đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP.HCM) hiện được ước tính khoảng 600.000 đến 700.000 tấn. Công suất được bổ sung của HPG dự kiến sẽ đủ để đáp ứng nhu cầu này. Sau khi các dự án này hoàn thành, phần công suất sản xuất được bổ sung sẽ được sử dụng linh hoạt để sản xuất các sản phẩm thép chuyên dụng vốn đang lệ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với triển vọng tươi sáng

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 36.800đ (tiềm năng tăng giá 39%). Chúng tôi dự báo lợi nhuận sẽ tăng mạnh 35% trong năm nay và tiếp tục tăng 29% trong năm 2026, nhờ nhu cầu phục hồi từ thị trường BĐS, đẩy mạnh đầu tư công, cùng với việc bổ sung công suất HRC. Ngoài ra, khả năng áp thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ sẽ là động lực tăng trưởng tích cực cho HPG trong thời gian tới.

Theo quan điểm của chúng tôi, tác động từ khả năng chính phủ Mỹ áp mức thuế cao hơn lên các sản phẩm thép Việt Nam sẽ không đáng kể đối với HPG do mức độ thâm nhập vào thị trường Mỹ của Công ty rất thấp (ít hơn 2% sản lượng tiêu thụ của HPG). Ngoài ra, việc kiểm soát thép Trung Quốc chặt chẽ hơn có thể tạo ra cơ hội cho các sản phẩm thép Việt Nam giành thêm thị phần. Việc [chính phủ Mỹ tăng 25% thuế đối với sản phẩm thép nhập khẩu và không có trường hợp ngoại lệ](#) cũng là một diễn biến tích cực đối với HPG.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	136,719	169,992	210,935
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	18,650	25,454	32,571
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(4,170)	(4,930)	(5,906)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	14,480	20,525	26,665
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,335)	(2,811)	(4,020)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	479	85.0	105
LN TT	9,923	7,793	13,624	17,799	22,750
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,560)	(1,602)	(1,820)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	2.37	3.18	4.11
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	12,066	16,200	20,935
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	11,463	15,390	19,888
EBITDA ĐC	19,893	16,443	21,154	29,230	37,539
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,886	2,533	3,273
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,792	2,406	3,109
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	9,384	16,611	13,890
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	15,039	16,999	21,094
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	10,938	15,299	21,094
Hàng tồn kho	34,491	34,504	39,648	50,148	63,281
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	6,836	8,500	10,547
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	81,845	107,557	129,905
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	127,089	134,971	123,250
TSCĐ vô hình	634	211	208	229	252
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	7,152	8,019	9,930
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	135,017	143,758	133,938
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	216,861	251,314	263,842
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	54,688	59,497	63,281
Phải trả người bán	11,107	12,387	10,938	16,999	21,094
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,266	2,312	2,486
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	69,830	81,219	89,852
Nợ dài hạn	11,152	10,399	24,306	35,179	25,585
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	5,825	5,827	5,828
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	30,131	41,006	31,413
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	99,961	122,225	121,266
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	116,837	129,029	142,520
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	63.4	60.2	56.1
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	116,900	129,089	142,577
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	216,861	251,314	263,842
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,266	20,173	22,282
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	69,610	78,065	74,975

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	14,480	20,525	26,665
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(6,674)	(8,705)	(10,874)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,335)	(2,811)	(4,020)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,560)	(1,602)	(1,820)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(7,588)	(26,504)	(30,535)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,085)	(3,731)	(5,095)
LCT thuần từ HĐKD	12,192	9,472	12,135	854	4,928
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(35,847)	(16,579)	856
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	7,026	(1,993)	(4,135)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(28,711)	(18,413)	(3,145)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	16,890	31,183	5,090
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	13,692	24,787	(4,505)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	9,384	16,611
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	(2,884)	7,227	(2,721)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	9,384	16,611	13,890
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(23,712)	(15,725)	5,784

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.6	15.0	15.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	15.5	17.2	17.8
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.83	9.53	9.92
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	11.4	9.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	14.9	24.3	24.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	28.7	38.2	28.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	76.5	34.3	29.2
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	60.5	34.3	29.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	60.5	34.3	29.2
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	26.5	39.5	45.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	11.0	13.2	15.4
ROACE (%)	12.3	8.62	11.0	12.9	15.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.68	0.73	0.82
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.84	0.04	0.18
Số ngày tồn kho	101	119	123	127	129
Số ngày phải thu	29.0	36.8	33.8	38.6	43.2
Số ngày phải trả	32.5	42.6	33.8	42.9	43.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	60.3	61.3	53.5
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	36.8	38.1	34.2
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	10.8	7.30	6.63
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.77	3.28	2.40
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.17	1.32	1.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.26	1.56	1.64	1.36	1.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.94	11.3	10.6	7.90	5.96
P/E (lần)	18.2	22.6	14.1	10.5	8.11
P/E ĐC (lần)	19.2	23.8	14.8	11.0	8.54
P/B (lần)	1.61	1.50	1.45	1.32	1.19
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.88	3.77	5.65

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn